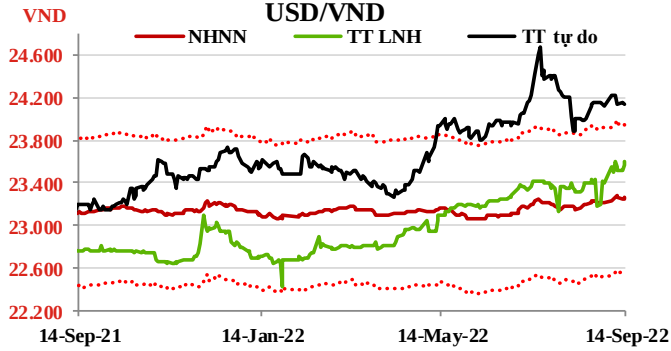


Tin trong nước ngày 14/09

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 14/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.257 VND/USD, tăng trở lại 13 đồng so với phiên trước đó. NHNN tiếp tục không niêm yết tỷ giá mua giao ngay, tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.700 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 23.595 VND/USD, tăng 32 đồng so với phiên giao dịch 13/09. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.070 VND/USD và 24.140 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 14/09, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,08 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,01 – 0,03 đpt các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,21%; 1W 4,50%; 2W 4,64% và 1M 4,97%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 2,49%; 1W 2,64%; 2W 2,76%, 1M 2,91%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 3,09%; 5Y 3,21%; 7Y 3,60%; 10Y 3,71%; 15Y 3,80%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 999,99 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất ở mức 4,6%; có 13.720,04 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 7 ngày, có 22.000 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4,0%; có 6.975,4 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 27.744,65 tỷ VND từ thị trường qua kênh thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 23.708,69 tỷ VND, tín phiếu tăng lên mức 41.849,6 tỷ VND.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 14/09, KBNN huy động thành công 5.100/7.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 73%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được 2.500/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 2.600/3.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm lần lượt tại 2,93%/năm (+0,08%) và 3,23% (+0,08%). Kỳ hạn 7 năm và 30 năm đấu thầu thất bại.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường chịu ảnh hưởng tiêu cực từ thông tin kinh tế Mỹ, tuy nhiên đã vực lại vào cuối phiên. Chốt phiên, VN-Index giảm 7,63 điểm (-0,61%) về mức 1.240,77 điểm; HNX-Index giảm 2,17 điểm (-0,77%) còn 279,42 điểm; UPCoM-Index hạ 0,24 điểm (-0,27%) xuống 90,16 điểm. Thanh khoản thị trường cải thiện nhẹ với giá trị giao dịch trên 16.500 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng nhẹ hơn 63 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Báo cáo Giám sát trái phiếu châu Á được ADB công bố ngày 14/09** cho thấy, giai đoạn từ 15/6 tới 24/8, thị trường trái phiếu bằng đồng nội tệ của Việt Nam tăng 8,1% so với quý trước (quý trước tăng 2,4%), đạt giá trị 99,5 tỷ USD. Đây là mức tăng mạnh nhất trong nhóm các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Á mới nổi. So với cùng kỳ năm trước, thị trường trái phiếu Việt Nam tăng mạnh 31,6% trong quý II năm nay, cũng là mức cao nhất trong khu vực. Theo đó, TPCP tăng 7,4% so với quý trước (1,5%), lên tới 69,8 tỷ USD, chủ yếu nhờ gia tăng tín phiếu NHNN. Trong khi đó, TPDN tăng 9,5% so với quý trước (4,6%), đạt giá trị 30 tỷ USD, nhờ lượng phát hành tăng vọt.



Lãi suất LNH

Trái phiếu

Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	4.21	-0.08	2.49	-0.01	3Y	3.09	0.022
1W	4.50	0.01	2.64	-0.03	5Y	3.21	0.048
2W	4.64	0.03	2.76	-0.01	7Y	3.60	0.031
1M	4.97	0.03	2.91	-0.03	10Y	3.71	0.046
2M	5.31	0.00	3.03	-0.04	15Y	3.80	0.021
3M	5.49	0.03	3.19	-0.06			
6M	5.73	0.00	3.29	-0.09			
9M	5.77	0.00	3.32	-0.09			
1Y	5.80	0.00	3.40	-0.06			

Nguồn: Reuters

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 14/09/2022

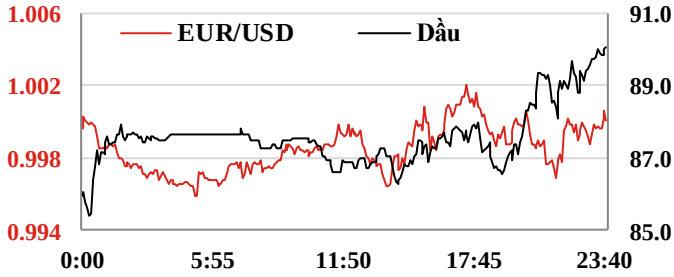
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	-	999.99	13,720.04	- 12,720.05	23,708.69
Sell Outright	-	22,000.00	6,975.40	- 15,024.60	41,849.60
Tổng				- 27,744.65	

Thị trường TPCP sơ cấp

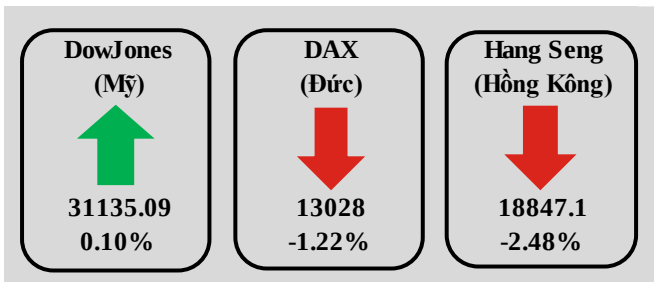
Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	14-Sep-22	7	500	0	0.00%	0.00%
MOF	14-Sep-22	10	3000	2500	2.93%	0.08%
MOF	14-Sep-22	15	3000	2600	3.23%	0.08%
MOF	14-Sep-22	30	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			7000	5100		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1240.77	279.42	90.16
%/ngày	-0.61%	-0.77%	-0.27%
%/31/12/2021	-17.19%	-41.0%	-20.0%
KLGD (tr.đ.vị)	607.86	71.13	33.3
GTGD (tỷ đ)	14351.72	1530.26	608.90
NDINN mua (tỷ đ)	839.61	2.94	0.56
NDINN bán (tỷ đ)	894.27	11.68	0.36



	14 Sep 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	109.66	-0.14%	-0.17%	14.27%
USD/CNY	6.96	0.53%	-0.05%	9.59%
USD/EUR	1.00	-0.07%	0.22%	13.94%
USD/JPY	143.15	-0.97%	-0.38%	24.39%
USD/KRW	1391.01	-0.26%	1.01%	17.09%
USD/SGD	1.41	-0.04%	0.14%	4.23%
USD/TWD	31.08	-0.25%	0.82%	12.14%
USD/THB	36.61	-0.11%	0.49%	10.17%
USD/VND Trung tâm	23257	0.06%	-0.02%	0.48%
USD/VND LNH	23595	0.14%	0.01%	3.51%
USD/VND tự do	24070	0.00%	-0.21%	2.64%
Vàng	1695.80	-0.34%	-1.27%	-7.25%
Dầu	88.48	1.34%	7.98%	17.64%



	LIBOR		SIBOR	
Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	2.3221	0.0107		
1M	2.9391	0.1214	2.3343	0.0007
3M	3.4834	0.1909	2.6738	0.0000
6M	4.0101	0.1733	0.8211	0.0000
1Y	4.5321	0.2931		

Số liệu SIBOR ngày 13/09/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,75%	2,50%	27/07/2022	21/09/2022
Châu Âu	EUR	0,50%	1,25%	08/09/2022	27/10/2022
Anh	GBP	1,25%	1,75%	04/08/2022	15/09/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	22/09/2022
Australia	AUD	1,85%	1,35%	06/09/2022	04/10/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Chỉ số giá sản xuất PPI tại Mỹ tiếp tục giảm nhẹ.** Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết PPI toàn phần của nước này giảm 0,1% m/m trong tháng 8, nối tiếp đà giảm 0,5% của tháng 7 và khớp với dự báo của các chuyên gia. Tuy nhiên, bên cạnh đó, PPI lõi tăng 0,4% m/m trong tháng vừa qua sau khi tăng 0,2% ở tháng 7, cao hơn mức tăng 0,3% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2021, PPI toàn phần và PPI lõi lần lượt tăng 8,7% và 5,6% y/y. Mặc dù PPI toàn phần tạm thời hạ nhiệt, song vẫn đang có khả năng tiếp tục đi lên do chuỗi cung ứng gặp nhiều khó khăn. Thị trường hầu hết nhận định đã giảm PPI 2 tháng liên tiếp sẽ không ảnh hưởng tới quyết định tăng mạnh LSCS trong kỳ họp này của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed.
- Lạm phát tại Anh tạm thời hạ nhiệt trong tháng 8.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh cho biết CPI toàn phần của nước này tăng 9,9% y/y trong tháng vừa qua, thấp hơn một chút so với mức tăng 10,0% của tháng trước đó, đồng thời thấp hơn mức tăng 10,1% theo dự báo. Đây là lần đầu tiên CPI y/y hạ nhiệt sau chuỗi tăng 11 tháng liên tiếp. Mặc dù vậy, CPI lõi tăng 6,3% y/y trong tháng 8, cao hơn mức tăng 6,2% theo dự báo và cũng là mức tăng của tháng 7. Đóng góp vào mức tăng chung mạnh nhất trong tháng 8 là các loại dịch vụ dân dụng, trong đó có cả giá nhiên liệu sinh hoạt như gas, điện và các loại năng lượng khác. Tuy CPI toàn phần tạm thời hạ nhiệt, song có thể NHTW Anh sẽ vẫn tăng mạnh LSCS trong phiên họp ngày hôm nay 15/09 do áp lực lạm phát vẫn đang ở mức rất cao, bên cạnh đó thị trường lao động tích cực cũng là điểm tựa cho mức lãi suất cao hơn.
- Châu Âu lên giải pháp cho khủng hoảng năng lượng.** Cụ thể, Liên minh Châu Âu EU muốn ghìm doanh thu của các công ty sản xuất điện và nhiên liệu hóa thạch, nhằm hạ giá năng lượng và hỗ trợ người tiêu dùng. Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) Ursula von der Leyen đề xuất áp trần lên doanh thu các công ty trên, giúp EU có thể thu về khoảng 140 tỷ EUR, sử dụng để trợ giá cho thị trường. Bà cho rằng lợi nhuận cao bất thường của các công ty này là nhờ chiến sự, gây thiệt hại cho người tiêu dùng, không phải là việc đáng được khuyến khích. Ngoài ra, bà Leyen nhấn mạnh, khối EU sẽ giữ nguyên các lệnh trừng phạt đối với Nga, và khối này cần thể hiện sự quyết tâm chứ không nhân nhượng.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
14 - 09	13:00	***	CPI Anh mm T8	9.9	10.0	10.1
14 - 09	13:00	*	CPI lõi Anh mm T8	6.3	6.2	6.2
14 - 09	19:30	***	PPI Mỹ mm T8	-0.1	-0.1	-0.5
14 - 09	19:30	***	PPI lõi Mỹ mm T8	0.4	0.3	0.2
15 - 09	8:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T8		3.4	3.4
15 - 09	19:30	***	Doanh số bán lẻ Mỹ mm T8		0.0	0.4
15 - 09	19:30	***	Doanh số bán lẻ Mỹ mm T8		-0.1	0.0
15 - 09	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ ww		225K	222K
15 - 09	20:15	*	Sản lượng công nghiệp Mỹ mm T8		0.0	0.6

VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1.248,40 điểm. Chỉ số kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ quanh 1.230 điểm SMA50, nhưng vẫn dưới ngưỡng kháng cự quanh 1.265 điểm (SMA20), có khả năng VN-Index sẽ tiếp tục đi ngang và giằng co với biên độ được tạo bởi hai đường này trong khoảng 1.230-1.265 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.240 – 1.230

Ngưỡng kháng cự: 1.260 – 1.270

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn